

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và ông Nguyễn Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 23 tháng 4 và ngày 14, 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc *tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O).

Địa chỉ: số D L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế M và ông Trương Tuấn H - chuyên viên thu hồi nợ (theo Giấy uỷ quyền số 10/2023/UQ-OCB ngày 25/7/2023 của Giám đốc Trung tâm O), có mặt.

Bị đơn: anh Lâm Quốc T (có mặt tại phiên tòa ngày 14 và 19 tháng 5 năm 2025) và chị Trần Thị Mỹ H1, vắng mặt.

Nơi cư trú: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hồng K và chị Lâm Thị T1, vắng mặt.

Nơi cư trú: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP P (viết tắt là OCB) và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1 có ký 02 hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022, số tiền vay: 4.940.000.000đ; mục đích vay: bù đắp tiền mua bất động sản; thời hạn vay: 240 tháng. Ngày 27/10/2022 O đã giải ngân cho anh T, chị H1 số tiền vay 940.000.000đ, ngày 01/12/2022 O giải ngân cho anh T chị hạnh số tiền vay 4.000.000.000đ.

- Hợp đồng tín dụng số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022, số tiền vay: 1.800.000.000đ; mục đích vay: bù đắp tiền mua bất động sản; thời hạn vay: 300 tháng. Ngày 28/12/2022 O đã giải ngân cho anh T, chị H1 số tiền vay 1.800.000.000đ. Để đảm bảo cho các khoản vay, anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 đã ký kết các hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất gồm:

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 72, địa chỉ thửa đất: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD279349, số vào sổ CH-001269/4 do UBND huyện T cấp ngày 06/9/2022 cho ông Đinh Văn S và bà Lê Thị B, đã chuyển nhượng cho anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 ngày 13/10/2022.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.02/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH486863, số vào sổ CH-00493 do UBND huyện T cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lâm Ngọc K1 và bà Lê Thị C, đã tặng cho anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 ngày 19/4/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị H1 đã trả cho OCB số tiền nợ gốc là 336.624.005đ và đã nhiều lần chậm thanh toán, kể từ tháng 01/2024 anh T, chị H1 không thanh toán nợ cho OCB, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay đã quá thời hạn thanh toán.

Ngoài ra ngày 18/10/2022 anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1 (anh T là người đứng tên chủ thẻ tín dụng, chị H1 là chủ thẻ phụ thứ nhất) có đề nghị phát hành thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ và đã được OCB phê duyệt. Anh T đã sử dụng số tiền 92.542.245đ và đến nay khoản nợ thẻ tín dụng cũng đã quá thời hạn thanh toán.

OCB đã đôn đốc, yêu cầu nhiều lần nhưng anh T, chị H1 vẫn không chịu trả các khoản nợ trên.

Từ những vi phạm trên nên OCB khởi kiện yêu cầu anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến hết ngày 19/5/2025 là 7.779.485.690đ, cụ thể: khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022 là 5.562.287.775đ, trong đó: nợ gốc là 4.669.375.995đ, nợ lãi trong hạn là 796.915.039đ, nợ lãi quá hạn là 95.996.741đ; khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 là 2.063.880.189đ, trong đó: nợ gốc là 1.734.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 296.660.450đ, nợ lãi quá hạn là 33.219.739đ; khoản nợ thẻ tín dụng là 153.317.726đ, trong đó: nợ gốc là 92.542.245đ, nợ lãi là 60.092.622đ, nợ phí là 682.859đ. Trong trường hợp anh T, chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, O đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.02/2022/RB/HĐTC cùng ngày 17/10/2022, để thu hồi vốn cho O.

Bị đơn anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 cùng có quan điểm trình bày: về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh T, chị H1 và Ngân hàng TMCP P (OCB) như đại diện O đã trình bày là đúng. Về số tiền vợ chồng anh T còn nợ theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng như OCB đã tính là đúng và đầy đủ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng do vợ chồng anh T khó khăn nên đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng. Nay OCB khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, vợ chồng anh T đồng ý nhưng đề nghị OCB cho giãn thời gian để vợ chồng anh T thu xếp trả nợ cho OCB. Về tài sản thế chấp là thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24, hiện trạng thửa đất này của vợ chồng anh T, chị H1 có một phần đất diện tích 0,98m² (theo sơ đồ đo vẽ của Tòa án) đang do vợ chồng chị T1, anh K sử dụng là một phần góc sân có bờ tường rào lợp mái tôn bên trên thuộc sở hữu của vợ chồng chị T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị T1 và anh Nguyễn Hồng K cùng có quan điểm trình bày: hiện nay vợ chồng chị T1, anh K đang sử dụng một phần đất có diện tích 0,98m² thuộc thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 của vợ chồng anh T, chị H1 và phần đất này là góc sân có bờ tường rào lợp mái tôn, trong trường hợp tài sản thế chấp của anh T, chị H1 là thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 phải xử lý để Ngân hàng OCB thu hồi nợ, thì vợ chồng chị T1 đồng ý sẽ tự tháo dỡ phần tài sản trên diện tích đất 0,98m² thuộc thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 (theo sơ đồ đo vẽ ngày 06/8/2024) là bờ tường rào có lợp mái tôn để trả lại 0,98m² đất cho anh T, chị H1.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: về tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi nợ và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Tại phiên toà OCB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022, số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 và thẻ tín dụng thấy rằng:

Hiện nay OCB khởi kiện đòi nợ anh T, chị H1, tính đến hết ngày 19/5/2025 anh T, chị H1 còn nợ OCB số tiền là 7.779.485.690đ, cụ thể: khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022 là 5.562.287.775đ, trong đó: nợ gốc là 4.669.375.995đ, nợ lãi trong hạn là 796.915.039đ, nợ lãi quá hạn là 95.996.741đ; khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 là 2.063.880.189đ, trong đó: nợ gốc là 1.734.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 296.660.450đ, nợ lãi quá hạn là 33.219.739đ; khoản nợ thẻ tín dụng là 153.317.726đ, trong đó: nợ gốc là 92.542.245đ, nợ lãi là 60.092.622đ, nợ phí là 682.859đ.

Anh T, chị H1 công nhận số nợ gốc và cách tính số tiền lãi trên của OCB đối với các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, tuy nhiên do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên đề nghị OCB cho trả dần.

Đối với khoản nợ thẻ tín dụng thì chủ thẻ là anh Lâm Quốc T, đồng sử dụng thẻ là chị Trần Thị Mỹ H1, nhưng anh T và chị H1 xác định khoản tiền thẻ đã dùng chung cho vợ chồng và cùng nhất trí sẽ có trách nhiệm trả nợ cho OCB, OCB cũng đồng ý để cả anh T và chị H1 trả khoản nợ thẻ tín dụng, nên HĐXX xác định trách nhiệm trả khoản nợ thẻ tín dụng là cả anh T và chị H1.

Căn cứ theo bảng kê tính số tiền gốc và lãi của O thấy phù hợp với thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, phù hợp với đề nghị phát hành thẻ tín dụng và phù hợp với pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của OCB về các hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022, số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 và khoản nợ thẻ tín dụng đối với anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét các hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất thấy.

* Đối với Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1, thấy rằng:

- Về hình thức: hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1 đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung: anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 đã tự nguyện thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 106, tờ bản đồ số 72, địa chỉ thửa đất: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD279349, sổ vào sổ CH-01269/4 do UBND huyện T cấp ngày 06/9/2022 cho ông Đinh Văn S và bà Lê Thị B, đã chuyển nhượng cho anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 ngày 13/10/2022. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp anh T, chị H1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đầy đủ về quyền đối với tài sản thế chấp.

Như vậy thấy rằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1, có hình thức và nội dung đảm bảo với quy định của pháp luật.

* Đối với Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.02/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1, thấy rằng:

- Về hình thức: hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0193.02/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1 đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung: anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 đã tự nguyện thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH486863, sổ vào sổ CH-00493 do UBND huyện T cấp ngày 31/5/2017 cho ông Lâm Ngọc K1 và bà Lê Thị C, đã tặng cho anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 ngày 19/4/2021. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp anh T chị H1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đầy đủ về quyền đối với tài sản thế chấp.

Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24 của vợ chồng anh T, chị H1 thì thấy rằng trên thửa đất số 20 có phần tài sản trên đất là một phần góc sân có lợp mái tôn có diện tích 0,98 m² hiện do vợ chồng chị T1, anh K đang sử dụng và thuộc sở hữu của vợ chồng chị T1, anh K nhưng vợ chồng chị T1, anh K đồng ý sẽ tự tháo dỡ phần bờ tường rào

có lợp mái tôn của sân phía trước nhà có diện tích là 0,98 m² (theo sơ đồ đo vẽ ngày 06/8/2024) để trả lại đất cho anh T, chị H1.

Như vậy thấy rằng mặc dù trên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của vợ chồng anh T, chị H1 có một phần tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng chị T1 nhưng vợ chồng chị T1 đồng ý sẽ tự tháo dỡ phần tài sản trên đất là bờ tường rào có lợp mái tôn có diện tích là 0,98 m² (theo sơ đồ đo vẽ ngày 06/8/2024) để trả lại đất cho anh T, chị H1 và không có tranh chấp gì nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0193.02/2022/RB/HĐTC ngày 17/10/2022 đã ký giữa OCB và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1, có hình thức và nội dung vẫn đảm bảo với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: nguyên đơn đã tạm nộp cho Tòa án chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tổng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 11.700.000đ, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh T, chị H1 phải chịu chi phí này.

[5] Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317; 318; 351, 357 Bộ luật dân sự. Điều 100, khoản 1 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

Chấm dứt việc thực hiện các hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022, số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP P và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1.

Buộc anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền là **7.779.485.690đ** (*bảy tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi đồng*), cụ thể: khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022 là 5.562.287.775đ, trong đó: nợ gốc là 4.669.375.995đ, nợ lãi trong hạn là 796.915.039đ, nợ lãi quá hạn là 95.996.741đ; khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022 là 2.063.880.189đ, trong đó: nợ gốc là 1.734.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 296.660.450đ, nợ lãi quá hạn là 33.219.739đ; khoản nợ thẻ tín dụng là 153.317.726đ, trong đó: nợ gốc là 92.542.245đ, nợ lãi là 60.092.622đ, nợ phí là 682.859đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2025), anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0193/2022/RB/HĐTD ngày 17/10/2022, số 0213/2022/RB/HĐTD ngày 27/12/2022, và theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 18/10/2022, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trong trường hợp anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0193.01/2022/RB/HĐTC và số 0193.02/2022/RB/HĐTC cùng ngày 17/10/2022 đã ký giữa Ngân hàng TMCP P và anh Lâm Quốc T, chị Trần Thị Mỹ H1 để thu hồi nợ (Quyền sử dụng 02 thửa đất thế chấp là thửa đất số 106 tờ bản đồ số 72 và thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 theo sơ đồ đo vẽ của Tòa án ngày 06/8/2024. Chị Lâm Thị T1 và anh Nguyễn Hồng K có nghĩa vụ tự tháo dỡ phần tài sản trên thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 là phần bờ tường rào có lợp mái tôn để trả lại 0,98m² đất cho anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1).

Căn cứ: khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 phải chịu 11.700.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 11.700.000đ.

Căn cứ: khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí.

Buộc anh Lâm Quốc T và chị Trần Thị Mỹ H1 phải nộp 115.779.485đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP P 57.376.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự mà Ngân hàng TMCP P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên theo biên lai số 0004346 ngày 16 tháng 4 năm 2024.

Căn cứ Điều 271, 273 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- THADS huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải

